

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/KDTM-ST

Ngày: 28/9/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

2. Bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà H'Michan Niê – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 33/2022/TLST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXX-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH X.

Địa chỉ: Số A đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn T – Chức vụ: Giám đốc (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Công ty cổ phần T1.

Địa chỉ: Số A đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Đình S – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Số I đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày có nội dung như sau:

Công ty TNHH X (sau đây gọi tắt là Công ty X) và Công ty cổ phần T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) là đối tác làm ăn với nhau. Vào tháng 3 năm 2021 giữa hai công ty ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 03.03/HĐMB. Theo hợp đồng Công ty X cung cấp cho Công ty T1 các vật tư thiết bị theo danh sách kèm theo hợp đồng. Giá trị hợp đồng là 403.012.500 đồng (Bốn trăm lẻ ba triệu, không trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng). Công ty T1 đã tạm ứng cho Công ty X 30% giá trị hợp đồng tương đương 120.903.750 đồng, còn lại số tiền 282.108.750 đồng Công ty T1 phải thanh toán cho Công ty X trong thời hạn 40 ngày kể từ khi nhận đủ số lượng hàng hóa theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng.

Công ty X đã giao hàng đầy đủ số lượng và đúng quy cách cho Công ty T1 theo thỏa thuận trong hợp đồng, tổng giá trị hàng hóa đã giao là 403.091.700 đồng (Bốn trăm lẻ ba triệu, không trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm đồng). Khi gửi hàng Công ty X đều gửi kèm Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển, tuy nhiên do dịch Covid 19 hạn chế tiếp xúc nên hai bên không trực tiếp ký xác nhận giao nhận hàng hóa, mà hai bên xác nhận, làm việc qua email cũng như các tin nhắn trao đổi. Ngoài ra, theo đặt hàng của công ty T1, công ty X đã giao cho công ty T1 một số vật tư, thiết bị phát sinh lấy thêm, tổng giá trị là 6.183.870 đồng.

Sau khi hoàn thành việc giao hàng hóa theo hợp đồng nêu trên, Công ty X có gửi cho Công ty T1 Giấy đề nghị thanh toán và các Biên bản đối chiếu công nợ, đề nghị Công ty T1 thanh toán cho Công ty X giá trị còn lại của hợp đồng và phần phát sinh lấy thêm vật tư theo đối chiếu công nợ đã gửi qua email của Công ty T1.

Công ty X đã nhiều lần liên lạc với ông Mai Đình S – là Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty T1 yêu cầu thanh toán công nợ, tuy nhiên ông Mai Đình S cố tình trốn tránh. Vì vậy, Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết, buộc Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty X số tiền nợ gốc là 288.371.820 đồng (Hai trăm tám mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn, tám trăm hai mươi đồng). Công ty X không yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán.

Ngày 27/9/2023, ông Hồ Văn T – Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của công ty X có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hàng phát sinh do công ty T1 lấy thêm vật tư là 6.183.870 đồng. Công ty X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty T1 có trách nhiệm thanh toán cho công ty X số tiền hàng hóa còn nợ là 282.187.950 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi đồng), và không yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn Công ty cổ phần T1, tuy nhiên bị đơn vắng mặt, không tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã ủy thác cho Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tổng đạt các thủ tục tố tụng và lấy lời khai đối với ông Mai Đình S – Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của công ty T1, cư

trú tại: Số I đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên ông Mai Đình S không có mặt tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để làm việc. Tại Giấy thông báo ngày 12 tháng 9 năm 2023, công ty T1 có ý kiến như sau: Công ty T1 đang thu thập các chứng từ có liên quan, do Kế toán cũ đã nghỉ việc nên Công ty T1 đã cử Kế toán theo dõi và kiểm tra lại chứng từ hóa đơn để phục vụ thanh quyết toán công trình.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty X. Tuyên buộc Công ty T1 thanh toán cho công ty X số tiền hàng hóa còn nợ là 282.187.950 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi đồng). Công ty X không yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán

Về án phí: Công ty T1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có trụ sở tại số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn Công ty cổ phần T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do là lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 27/9/2023, nguyên đơn công ty X xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hàng phát sinh do công ty T1 lấy thêm vật tư là 6.183.870 đồng. Công ty X chỉ yêu cầu Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ là 282.187.950 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng hóa còn thiếu là 282.187.950 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào tháng 3 năm 2021, công ty X và công ty T1 ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 03.03/HĐMB. Theo hợp đồng công ty X cung cấp cho công ty T1 các vật tư thiết bị theo danh sách kèm theo hợp đồng. Hợp đồng mua bán hàng hóa được hai bên ký kết tự nguyện, được lập thành văn bản, các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là hợp pháp, phù hợp quy định tại Điều 24, Điều 25 Luật Thương mại do đó có giá trị thi hành trên thực tế.

Thực hiện hợp đồng, công ty X đã giao vật tư thiết bị cho công ty T1, giá trị hàng hóa đã giao là 403.091.700 đồng, thể hiện bằng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển PX2003 ngày 19 tháng 5 năm 2021, đã được xác nhận bởi ông Nguyễn Đức H, là người được ông Mai Đình S – Giám đốc công ty T1 nhờ nhận hàng giùm khi công ty X giao hàng. Theo thỏa thuận tại Điều III của hợp đồng mua bán hàng hóa số 03.03/HĐMB về giao nhận, vận chuyển, bóc xếp:

“...bên A có quyền từ chối nhận hàng và lập biên bản gửi cho bên B nếu bên B giao hàng không đúng chất lượng như thỏa thuận tại Điều II...”

Sau khi nhận hàng, công ty T1 không phản hồi gì với công ty X về số lượng, chất lượng hàng hóa. Vì vậy công ty X đã giao cho công ty T1 đầy đủ hàng hóa về số lượng, quy cách và quy cách sản phẩm. Đồng thời, ông Mai Đình S – Người đại diện theo pháp luật của công ty T1 cũng đã có văn bản phản hồi gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác nhận việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty X và sẽ đối chiếu chứng từ hóa đơn để thanh quyết toán công trình.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 chỉ mới tạm ứng cho công ty X 30% giá trị đơn hàng khi đặt hàng, tương ứng số tiền 120.903.750 đồng, còn nợ lại số tiền hàng là 282.187.950 đồng chưa thanh toán. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất do chậm thanh toán: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sơ thẩm cụ thể: $282.187.950 \text{ đồng} \times 5\% = 14.109.398 \text{ đồng}$

Công ty X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 158; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ Luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ vào Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X.

1.1. Buộc Công ty cổ phần T1 có trách nhiệm trả nợ cho Công ty TNHH X số tiền 282.187.950 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi đồng).

1.2. Về lãi suất: Công ty TNHH X không yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán.

Kể từ ngày Công ty TNHH X có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X đối với yêu cầu Công ty cổ phần T1 thanh toán số tiền 6.183.870 đồng.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Công ty cổ phần T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.109.398 đồng.

Công ty TNHH X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột là 7.209.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0021570 ngày 11/10/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đông